TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ** **TỈNH HÀ GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 04/2021/HS-ST Ngày 06 - 4 - 2021	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Bùi Văn Đàm**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Lương Thị Nhiễu**

2. Ông **Nguyễn Công Văn**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Đặng Văn Tình** - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Hà Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Hà Giang tham gia phiên toà: Ông **Đỗ Tuấn Sỹ** - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 01/2021/HSST ngày 20 tháng 01 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2021/QĐXXST-HS ngày 05/3/2021 đối với các bị cáo:

1. Mua Mí T (tên gọi khác: Mua Dũng T) - Sinh năm 1990 tại: xã L, huyện Đ, tỉnh Hà Giang; nơi cư trú: Thôn M, xã L, huyện Đ, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Làm nương; trình độ văn hóa: 3/12; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo; Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Mua Chá S1, sinh năm 1952 và bà Sùng Thị M, sinh năm 1959; Có vợ là Giàng Thị S2, sinh năm 1989 và 02 con; con lớn sinh năm 2007, con nhỏ sinh năm 2009; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tốt; đang chấp hành Quyết định cấm đi khỏi nơi cư trú số 03/2021/HSST-QĐ, ngày 18/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện Đ. (Có mặt);

2. Mua Mí S (tên gọi khác: Mua Chúng S) - Sinh năm 1997 tại: xã L, huyện Đ, tỉnh Hà Giang; nơi cư trú: Thôn M, xã L, huyện Đ, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Làm nương; trình độ văn hóa: 4/12; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Mua Chá S1, sinh năm 1952 và bà Sùng Thị M, sinh năm 1959; Có vợ là Sùng Thị S3, sinh năm 1996 và 02 con; con lớn sinh năm 2014, con nhỏ sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tốt; đang chấp hành Quyết định cấm đi khỏi nơi cư trú số 04/2021/HSST-QĐ, ngày 18/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện Đ. (Có mặt);

Người bào chữa cho các bị cáo Mua Mí T, Mua Mí S: Bà **Nguyễn Thị Thanh Huyền** - Trợ giúp viên pháp lý thuộc trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Hà Giang. (Có mặt);

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Anh **Giàng Mí S4** - Sinh năm 1988; Địa chỉ: Thôn M, xã M1, huyện Đ, tỉnh Hà Giang. (Có mặt);

2. Chị **Giàng Thị S3** - Sinh năm 1989; Địa chỉ: Thôn M, xã L, huyện Đ, tỉnh Hà Giang. (Có mặt);

Người tham gia tố tụng khác:

Người phiên dịch tiếng Mông: Ông **Giàng Mí Mua** - Sinh năm 1957; Địa chỉ: Tổ X, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Hà Giang. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ 00 phút ngày 02/10/2020, Mua Mí S cùng anh trai ruột là Mua Mí T cày nương ở khu vực gần nhà, trong khi nghỉ giải lao, cả hai anh em đã cùng bàn bạc việc sang Trung Quốc mua pháo về đốt chơi trong dịp Tết Nguyên đán 2021. Cả hai cùng thống nhất đến chiều hôm sau cùng đi mua pháo, S chưa có tiền thì T sẽ cho vay, khi nào có thì trả. Khoảng 17 giờ 00 phút, ngày 04/10/2020, T gọi điện cho S nhắc lại kế hoạch hai anh em đã bàn bạc từ hôm trước. Đến khoảng 18 giờ 00 phút cùng ngày, S cầm theo một đoạn dây vải, một chiếc đèn pin, một điện thoại di động một mình đi bộ đến nhà Mua Mí T. Thấy S đến, T cũng cầm theo 1.200NDT, một đoạn dây vải, một điện thoại di động, rồi điều khiển xe máy nhãn hiệu Win, màu xanh - đen, biển kiểm soát 23N1-031.25, chở S đi theo đường liên thôn M, xã L đi đến khu vực không có dân cư thuộc thôn M, xã M1, huyện Đ. Cả hai để xe máy lại cạnh đường, sau đó đi theo đường mòn đến khu vực biên giới Việt Nam - Trung Quốc (thuộc địa phận thôn M, xã M1, huyện Đ, tỉnh Hà Giang) rồi vượt biên đi sang đất Trung Quốc. T và S đi đến một cửa hàng bán tạp hóa của một đôi vợ chồng người Trung Quốc *(không biết tên, tuổi, địa chỉ cụ thể)*. T trao đổi mua pháo bằng tiếng Mông với giá 300NDT/một thùng, T lấy 04 thùng và đưa 1.200NDT cho người đàn ông; S và người phụ nữ đút 04 thùng pháo vào hai chiếc bao tải dứa màu xanh. T và S lấy đoạn dây vải đã cầm sẵn đi theo từ trước, rồi địu số pháo vừa mua được trên lưng theo đường cũ quay về chỗ để xe máy. Cả hai cho số pháo lên xe máy, sau đó T điều khiển xe máy chở S và toàn bộ số pháo vừa mua được đi về nhà. Đến khoảng 22 giờ 00 phút cùng ngày, cả hai về đến cổng nhà T thì gặp Tổ tuần tra của Đồn Biên phòng Đ kiểm tra hành chính. S bị bắt quả tang cùng toàn bộ tang vật còn T bỏ chạy. Đến ngày 16/10/2020, Mua Mí T đến Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ, tỉnh Hà Giang đầu thú về hành vi phạm tội của mình.

Ngày 06/10/2020 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ tiến hành mở niêm phong, cân tịnh, trích mẫu gửi giám định. Tại thời điểm cân tịnh số pháo do Mua Mí T và Mua Mí S vận chuyển là 81 kg.

Tại bản Kết luận giám định số 345/KL-PC09, ngày 14/10/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Giang, kết luận: Các mẫu gửi giám định là pháo có đầy đủ đặc tính của pháo nổ *(có chứa thuốc pháo và khi bị kích thích hoặc đốt có gây tiếng nổ)*

Trong quá trình điều tra, truy tố, các bị cáo Mua Mí T, Mua Mí S đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Từ căn cứ trên, cáo trạng số 02/CT-VKSĐV ngày 19/01/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ đã truy tố các bị cáo Mua Mí T, Mua Mí S về tội "Vận chuyển hàng cấm" theo quy định tại điểm g, k khoản 2 Điều 191 Bộ luật Hình sự. Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Mua Mí T, Mua Mí S phạm tội "Vận chuyển hàng cấm". Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điểm g, k khoản 2 Điều 191; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự để xử phạt các bị cáo Mua Mí T, Mua Mí S mỗi bị cáo từ 30 đến 36 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; do các bị cáo đều không nhằm mục đích vụ lợi, hiện đều sống ở khu vực có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn nên đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với cả hai bị cáo. Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 63, 70 Luật quản lý sử dụng vũ khí vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ năm 2017; Điều 8 Nghị định 26/2012/NĐ-CP ngày 18/02/2012 của Chính phủ quy định trình tự, thủ tục, thẩm quyền và kinh phí phục vụ việc tiếp nhận, thu gom, phân loại, bảo quản, thanh lý, tiêu hủy vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ, đề nghị tuyên tịch thu tiêu hủy toàn bộ số pháo nổ đã bị thu giữ (sau khi đã trích mẫu gửi giám định) và vật chứng không còn giá trị sử dụng. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự để tuyên tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel, bàn phím, màu xanh, viền trắng đã qua sử dụng; 01 đèn pin màu tím có dây đã qua sử dụng. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự để tuyên trả lại cho vợ chồng bị cáo 01 xe máy Win mang biển kiểm soát 23 N1-031.25, màu xanh đen, đã qua sử dụng; 03 chìa khóa xe đã qua sử dụng. Ngoài ra, đề nghị Hội đồng xét xử miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo.

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như đã nêu trong bản cáo trạng. Lời nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, lời khai người làm chứng; biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ và bản ảnh hiện trường cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Giàng Mí S4 có ý kiến: Anh là người đứng tên của chiếc xe máy Win, biển kiểm soát 23 N1-031.25. Tuy nhiên, vào ngày 03/9/2020, anh đã bán chiếc xe cho bị cáo Mua Mí T với giá 2.000.000 đồng. Việc mua bán đã lập giấy viết tay, có xác nhận của UBND xã M1. Đến nay, tuy bị cáo T chưa làm thủ tục sang tên chiếc xe sau khi mua bán

nhưng anh xác định chiếc xe đó thuộc quyền sở hữu của T từ khi anh làm thủ tục mua bán tại UBND xã và nhận đủ số tiền 2.000.000 đồng từ bị cáo T; anh không có ý kiến gì về chiếc xe đó nữa.

Tại phần tranh luận, bà Nguyễn Thị Thanh Huyền - Trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho các bị cáo Mua Mí T, Mua Mí S có quan điểm: Nhất trí với lời luận tội của Kiểm sát viên về tội danh, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đã đề cập áp dụng đối với các bị cáo. Tuy nhiên, do các bị cáo thuộc đối tượng là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế dặc biệt khó khăn, các bị cáo đều có trình độ học vấn thấp nên đề nghị Hội đồng xét xử cân nhắc để giảm nhẹ mức hình phạt cho các bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử miễn án phí cho các bị cáo.

Các bị cáo nhất trí với lời bào chữa của Trợ giúp viên pháp lý, không bổ sung lời bào chữa. Khi nói lời sau cùng, các bị cáo đều tỏ rõ sự ăn năn hối cải, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án nhất trí với lời luận tội của Kiểm sát viên, không có ý kiến tranh luận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra huyện Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đều đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người bào chữa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Do đó hành vi, quyết định của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

[2] Các bị cáo Mua Mí T, Mua Mí S đều là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi vận chuyển hàng cấm (pháo nổ) là trái pháp luật. Tuy nhiên, vào khoảng 18 giờ 30 phút ngày 04/10/2020, các bị cáo đã cùng nhau sang Trung Quốc, giao dịch mua 81 kg pháo của hai vợ chồng người Trung Quốc, (không rõ lai lịch) với mục đích về để đốt trong dịp Tết nguyên đán Tân Sửu năm 2021. Sau khi mua được pháo, trên đường vận chuyển về Việt Nam, khi đến cổng nhà T, các bị cáo bị Tổ tuần tra của Đồn Biên phòng Đ phát hiện, thu giữ toàn bộ tang vật. Hành vi của các bị cáo Mua Mí T, Mua Mí S đã đủ yếu tố cấu thành tội "Vận chuyển hàng cấm" theo quy định tại các điểm g, k khoản 2 Điều 191 của Bộ luật hình sự. Do vậy, cần chấp nhận toàn bộ quan điểm truy tố của Viện kiểm sát và có đủ cơ sở để kết luận: bản cáo trạng truy tố đối với hành vi phạm tội của các bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Điều 191 Bộ luật hình sự quy định:

"1. Người nào tàng trữ, vận chuyển hàng hóa mà Nhà nước cấm kinh doanh, cấm lưu hành, cấm sử dụng, chưa được phép lưu hành, chưa được phép sử dụng tại Việt Nam thuộc một trong các trường hợp sau đây, nếu không thuộc trường hợp quy định tại các điều 249, 250, 253, 254, 304, 305, 306, 309 và 311 của Bộ luật này, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

...

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 300.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 02 năm đến 05 năm:

a)...

...

g) Pháo nổ từ 40 kilôgam đến dưới 120 kilôgam;

...

k) Vận chuyển qua biên giới, trừ hàng hóa là thuốc lá điếu nhập lậu

..."

[4] Xét tính nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy: Hành vi vận chuyển pháo nổ của bị cáo đã xâm phạm đến chính sách độc quyền của Nhà nước về quản lý một số loại hàng hóa có tính năng ảnh hưởng đến trật tự, an toàn xã hội mà Nhà nước cấm lưu thông. Do vậy, cần buộc các bị cáo phải chịu mức hình phạt tương xứng với tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội mà mỗi bị cáo đã gây ra, đảm bảo mục đích răn đe riêng và phòng ngừa chung.

[5] Tuy nhiên, các bị cáo đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đều Tnh khẩn khai báo, tỏ rõ sự ăn năn hối cải. Do vậy, cần cho các bị cáo được hưởng tình tiết giảm trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Hơn nữa, hai bị cáo đều sinh ra trong gia đình có công với cách mạng, ông nội hai bị cáo được tặng Huy hiệu 40 năm tuổi Đảng và Huân chương kháng chiến Hạng Nhì vì đã có công lao trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Do vậy, cả hai bị cáo Mua Mí T, Mua Mí S đều được hưởng chung tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Riêng bị cáo Mua Mí T còn được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự vì đã thực hiện việc đầu thú.

[6] Trong vụ án này, mặc dù không có người chủ mưu, khởi xướng nhưng bị cáo T thực hiện tội phạm tích cực hơn nên giữ vai trò chính. Tuy nhiên, bị cáo T lại có nhiều hơn bị cáo S một tình tiết giảm nhẹ là "đầu thú" được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Do vậy, khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 58 của Bộ luật hình sự để đánh giá vai trò của mỗi bị cáo và áp dụng mức hình phạt đối với hai bị cáo là như nhau.

[7] Căn cứ vào nhân thân của các bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, trên cơ sở cân nhắc đầy đủ và toàn diện tính chất và mức độ

nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy: Các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng, việc không buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt tù cũng không gây ảnh hưởng xấu tới công cuộc phòng chống tội phạm. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, quyết định cho các bị cáo được hưởng án treo, ấn định một khoảng thời gian thử thách đối với mỗi bị cáo; giao các bị cáo về chính quyền địa phương nơi các bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách để răn đe, giáo dục các bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội theo quy định tại Điều 65 của Bộ luật hình sự. Xét thấy, hành vi phạm tội của các bị cáo không nhằm mục đích thu lời bất chính; hơn nữa cả hai bị cáo đều thuộc đối tượng là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn, thu nhập không ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

[8] Trong vụ án này, còn có hai vợ chồng người Trung Quốc bán pháo cho các bị cáo nhưng không xác định được nhân thân, lai lịch nên không có cơ sở để xác định trách nhiệm của các đối tượng này.

[9] Đối với hành vi qua lại biên giới quốc gia (Việt Nam - Trung Quốc) mà không làm thủ tục xuất cảnh, nhập cảnh theo quy định của các bị cáo đã vi phạm điểm a khoản 3 Điều 17 Nghị định 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy và chữa cháy; phòng, chống bạo lực gia đình. Ngày 24/10/2020, Công an huyện Đ ra quyết định xử phạt hành chính đối với hai bị cáo về hành vi trên là phù hợp.

[10] Đối với số pháo nổ đã bị thu giữ (sau khi đã trích mẫu gửi giám định) là loại hàng hóa Nhà nước cấm lưu thông; chiếc bao tải là vật không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu, tiêu hủy theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 63, 70 Luật quản lý sử dụng vũ khí vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ năm 2017; Điều 8 Nghị định 26/2012/NĐ-CP ngày 18/02/2012 của Chính phủ quy định trình tự, thủ tục, thẩm quyền và kinh phí phục vụ việc tiếp nhận, thu gom, phân loại, bảo quản, thanh lý, tiêu hủy vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ.

[11] Đối với 01 xe máy biển kiểm soát 23 N1-031.25; 03 chìa khóa xe là tài sản chung của vợ chồng bị cáo T, chị Giàng Thị S3 (vợ bị cáo T) không biết việc bị cáo dùng xe vào việc vận chuyển pháo; nay chị có ý kiến xin lại chiếc xe với lý do là phương tiện lưu thông duy nhất của cả gia đình. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự để chấp nhận đề nghị của chị S3, trả lại cho vợ chồng chị chiếc xe máy nói trên.

[12] Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel; 01 đèn pin là tài sản của các bị cáo dùng làm công cụ, phương tiện phạm tội nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

[13] Về án phí sơ thẩm: Các bị cáo đều thuộc đối tượng là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để miễn toàn bộ án phí cho bị cáo.

[14] Quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Mua Mí T, Mua Mí S phạm tội "Vận chuyển hàng cấm".

2. Hình phạt: Căn cứ vào các điểm g, k khoản 2 Điều 191; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt các bị cáo Mua Mí T, Mua Mí S mỗi bị cáo 30 (ba mươi) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (năm) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo Mua Mí T, Mua Mí S cho Uỷ ban nhân dân xã L, huyện Đ, tỉnh Hà Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo Điều 92 Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về vật chứng:

3.1. Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 63, Điều 70 của Luật quản lý sử dụng vũ khí vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ năm 2017; Điều 8 Nghị định 26/2012/NĐ-CP ngày 18/02/2012 của Chính phủ quy định trình tự, thủ tục, thẩm quyền và kinh phí phục vụ việc tiếp nhận, thu gom, phân loại, bảo quản, thanh lý, tiêu hủy vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ: Tịch thu tiêu hủy toàn bộ số pháo bị cáo đã vận chuyển (sau đã trích mẫu vật giám định) và vật chứng không còn giá trị sử dụng (chiếc bao tải dứa), cụ thể như sau:

- 12 *(Mười hai)* khối dạng hình hộp chữ nhật đều có kích thước (*15 x 14 x14)* cm, bên ngoài đều được bọc bằng giấy có màu đỏ-vàng, in nhiều chữ tượng hình *(kiểu chữ nước ngoài)* có hình pháo hoa đang nổ, mặt trên được dán giấy màu vàng, mặt dưới được dán giấy ni lông màu bạc, cạnh ngoài mỗi hộp đều có gắn 01 dây màu xanh, bên trong mỗi hộp đều có 36 lỗ, trong các lỗ được bịt 2/3 bằng chất màu nâu đã đông cứng *(đã trích mẫu gửi giám định 01 hộp)*;

- 30 *(Ba mươi)* vật hình trụ tròn trong đều có kích thước cao 05cm, đường kính 1,8cm được bọc bên ngoài bằng giấy màu nâu, đầu của mỗi vật hình trụ tròn được xoắn lại, đầu còn lại được buộc bằng nhiều sợi chỉ màu trắng và hở

một đoạn dây dạng dây cháy chậm màu xanh *(đã trích mẫu gửi giám định 06 vật hình trụ tròn, mỗi túi lấy 02 vật hình trụ tròn)*.

- 01 (một) bao tải dứa màu xanh, đã qua sử dụng.

(Tất cả số vật chứng trên sau khi trích mẫu gửi giám định đã được niêm phong và hiện đang được bảo quản tại Kho vật chứng Công an huyện Đ). Giao cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ Tnh lập hội đồng tiêu hủy để xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

3.2. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel, bàn phím, màu xanh, viền trắng đã qua sử dụng; 01 đèn pin màu tím có dây đã qua sử dụng.

3.3. Căn cứ khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Trả lại cho vợ chồng bị cáo Mua Mí T 01 xe máy Win, nhãn hiệu Detech, màu xanh - đen, biển kiểm soát 23 N1-031.25, số khung: RPEXCH8PECA*161320*, số máy DEJQ152FMH-B*161320*, xe đã qua sử dụng; 03 chìa khóa xe đã qua sử dụng;

(Chi tiết vật chứng được mô tả trong Biên bản giao nhận vật chứng lập hồi 14 giờ 00 phút ngày 19/01/2021 giữa Công an huyện Đ và Chi cục Thi hành án huyện Đ).

4. Án phí: Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự: Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án.

6. Về điều kiện thi hành án: *Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Văn Đàm

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh;*
- *VKSND tỉnh;*
- *VKSND huyện Đ;*
- *CQCSĐT Công an huyện Đ;*
- *Hồ sơ nghiệp vụ Công an huyện Đ;*
- *Các bị cáo;*
- *Người bào chữa;*
- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;*
- *Sở tư pháp tỉnh Hà Giang;*
- *Hồ sơ thahs;*
- *Chi cục THADS huyện Đ;*
- *Lưu hồ sơ vụ án, vp.*